



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản  
Minh Phú**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2017



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
<b>Đăng ký Kinh doanh</b>	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010
	2000393273 (điều chỉnh lần 1)	ngày 15 tháng 10 năm 2014
	2000393273 điều chỉnh lần 2)	ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê Văn Quang Bà Chu Thị Bình Ông Chu Văn An Ông Lê Văn Điệp Ông Lê Ngọc Anh Bà Lê Thị Dịu Minh	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Lê Văn Quang Bà Chu Thị Bình Ông Chu Văn An Ông Thái Hoàng Hùng Ông Lê Văn Điệp Ông Bùi Anh Dũng Ông Lê Ngọc Anh Bà Lê Thị Dịu Minh Ông Nguyễn Tấn Anh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2017)
--------------------------	--	--

<b>Ban kiểm soát</b>	Ông Trần Văn Khánh Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc Bà Đỗ Thị Hạnh	Trưởng ban Thành viên Thành viên
----------------------	--	--

**Trụ sở đăng ký** Khu Công nghiệp Phường 8  
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 18 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 15-01-268/2017R



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2017

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>4.009.680.752.311</b>	<b>3.762.593.165.369</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>437.236.552.702</b>	<b>1.106.270.875.699</b>
Tiền	111		53.236.552.702	25.670.875.699
Các khoản tương đương tiền	112		384.000.000.000	1.080.600.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>462.797.174.300</b>	<b>406.366.007.876</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	14.811.109.411	14.811.109.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(8.613.935.111)	(10.045.101.535)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	456.600.000.000	401.600.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.712.771.696.863</b>	<b>1.322.884.482.370</b>
Phải thu của khách hàng	131	7	1.560.629.627.108	1.152.719.308.951
Trả trước cho người bán	132		55.388.796.533	58.739.666.605
Phải thu về cho vay	135		-	10.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	96.753.273.222	101.425.506.814
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>1.393.702.301.173</b>	<b>896.738.401.151</b>
Hàng tồn kho	141		1.403.650.809.671	910.349.191.287
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.948.508.498)	(13.610.790.136)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.173.027.273</b>	<b>30.333.398.273</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	108.426.793	400.442.358
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.530.976.343	21.708.251.713
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	16(b)	533.624.137	8.224.704.202

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.569.236.043.052</b>	<b>1.581.569.711.037</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.306.508.578</b>	<b>7.306.508.578</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	7.306.508.578	7.306.508.578
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>215.748.600.354</b>	<b>228.261.353.461</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	182.628.651.208	194.297.721.132
Nguyên giá	222		391.535.765.917	387.766.515.890
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(208.907.114.709)	(193.468.794.758)
Tài sản cố định vô hình	227	11	33.119.949.146	33.963.632.329
Nguyên giá	228		41.753.286.703	41.753.286.703
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.633.337.557)	(7.789.654.374)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.680.694.364</b>	<b>6.660.994.364</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	6.680.694.364	6.660.994.364
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(c)</b>	<b>1.328.930.747.578</b>	<b>1.328.370.747.578</b>
Đầu tư vào công ty con	251		1.634.377.400.000	1.633.817.400.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		3.900.000.000	3.900.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(316.346.652.422)	(316.346.652.422)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.569.492.178</b>	<b>10.970.107.056</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	10.569.492.178	10.970.107.056
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>5.578.916.795.363</b>	<b>5.344.162.876.406</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>3.820.050.118.467</b>	<b>3.703.542.533.175</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.330.759.702.294</b>	<b>1.215.737.634.624</b>
Phải trả người bán	311	15	106.466.393.757	109.032.269.612
Người mua trả tiền trước	312		117.404.117.644	4.179.970.561
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	16(a)	10.377.029.928	308.399.638
Phải trả người lao động	314		55.616.843.795	42.830.880.902
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	20.471.511.173	18.382.003.386
Vay ngắn hạn	320	18(a)	1.976.258.015.537	1.002.200.700.199
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	44.165.790.460	38.803.410.326
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.489.290.416.173</b>	<b>2.487.804.898.551</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	2.500.000.000	2.500.000.000
Trái phiếu	338	18(b)	1.485.416.666.675	2.482.916.666.673
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	14	1.373.749.498	1.504.396.502
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	-	883.835.376
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.758.866.676.896</b>	<b>1.640.620.343.231</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.758.866.676.896</b>	<b>1.640.620.343.231</b>
Vốn cổ phần	411	22	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Cổ phiếu quỹ	415	22	(80.162.090.861)	(80.162.090.861)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	32.871.136.924	9.789.721.526
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		928.280.761.597	833.115.843.330
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		800.461.707.901	724.268.725.236
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		127.819.053.696	108.847.118.094
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>5.578.916.795.363</b>	<b>5.344.162.876.406</b>

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Người duyệt:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Lê Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	4.082.682.435.678	3.216.784.988.846
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	18.873.553.800	30.696.949.692
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>4.063.808.881.878</b>	<b>3.186.088.039.154</b>
Giá vốn hàng bán	11	26	3.746.587.780.718	2.937.387.812.040
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>317.221.101.160</b>	<b>248.700.227.114</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	58.066.169.023	60.795.249.474
Chi phí tài chính	22	28	104.832.289.386	137.251.133.474
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		58.779.091.522	79.702.715.959
Chi phí bán hàng	25	29	94.866.713.957	103.003.321.831
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	30.830.708.656	27.533.805.869
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>144.757.558.184</b>	<b>41.707.215.414</b>
Thu nhập khác	31		1.376.574.237	1.857.231.137
Chi phí khác	32		384.353.600	726.403.904
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>992.220.637</b>	<b>1.130.827.233</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>145.749.778.821</b>	<b>42.838.042.647</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	18.061.372.129	2.188.460.388
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(130.647.004)	(509.410.975)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>127.819.053.696</b>	<b>41.158.993.234</b>

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>145.749.778.821</b>	<b>42.838.042.647</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	16.886.953.906	16.733.759.661
Các khoản dự phòng	03	(5.093.448.062)	20.155.833.777
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.067.658.521	1.012.026.677
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05	(216.041.681)	(81.774.123)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05	(43.747.716.604)	(56.438.885.482)
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06	61.279.091.524	82.202.715.961
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>175.926.276.425</b>	<b>106.421.719.118</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(395.874.730.051)	(53.649.876.471)
Biến động hàng tồn kho	10	(493.301.618.384)	559.598.762.360
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	132.077.915.053	(6.940.535.410)
Biến động chi phí trả trước	12	692.630.443	1.917.955.908
		<b>(580.479.526.514)</b>	<b>607.348.025.505</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(63.088.270.915)	(85.264.199.578)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.210.339.897)	(40.422.858.830)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(647.778.137.326)</b>	<b>481.660.967.097</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(7.745.830.050)	(2.983.585.728)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		300.000.000	1.458.181.818
Tiền chi cho bên liên quan vay	23		-	(10.000.000.000)
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(55.000.000.000)	(281.100.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	23		-	325.000.000.000
Tiền thu hồi cho vay	24		10.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25		(560.000.000)	(955.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		59.643.963.269	41.401.279.578
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.638.133.219</b>	<b>72.820.875.668</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay và trái phiếu nhận được	33		3.945.131.271.700	2.132.032.442.643
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.973.456.153.864)	(2.636.721.998.815)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(28.324.882.164)</b>	<b>(504.689.556.172)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(669.464.886.271)</b>	<b>49.792.286.593</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.106.270.875.699</b>	<b>631.784.693.548</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>430.563.274</b>	<b>1.438.600.372</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>437.236.552.702</b>	<b>683.015.580.513</b>

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Người duyệt:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Lê Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 13 công ty con (1/1/2017: 12 công ty con) và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 6.527 nhân viên (1/1/2017: 6.218 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để hiểu tổng quát tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, những báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất giữa niên độ.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 11 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 đến 15 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(l) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập lãi tiền gửi**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào biến động mùa vụ do kết quả của điều kiện thời tiết và thói quen của người tiêu dùng. Cụ thể, việc nuôi trồng thủy sản tại các khu vực địa lý trọng yếu bị tác động tiêu cực do điều kiện thời tiết nắng nóng, thường kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5. Công ty đã nỗ lực để giảm thiểu các tác động mùa vụ này bằng cách quản lý hàng tồn kho để đáp ứng nhu cầu trong kỳ. Hoạt động kinh doanh thường đạt doanh thu và lợi nhuận thấp trong nửa đầu năm do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong nửa đầu năm thường thấp hơn so với giai đoạn cuối năm do giai đoạn cuối năm có nhiều hơn các lễ hội lớn trên thế giới.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	8.546.651.095	3.128.373.750
Tiền gửi ngân hàng	44.689.901.607	22.542.501.949
Các khoản tương đương tiền	384.000.000.000	1.080.600.000.000
	<hr/>	<hr/>
	437.236.552.702	1.106.270.875.699

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2017			1/1/2017				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	171.578	6.004.500.000	2.565.091.100	(3.439.408.900)	171.578	6.004.500.000	1.990.304.800	(4.155.995.200)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)	112.000	5.263.000.000	952.000.000	(4.311.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	19	80.000	701.100	-	19	80.000	468.350	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	188.230.000	(84.711.176)	18.823	272.941.176	449.681.470	-
▪ Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	163.646	3.270.588.235	2.323.773.200	(946.815.035)	163.646	3.270.588.235	2.070.121.900	(1.578.106.335)
		14.811.109.411	6.197.795.400	(8.613.935.111)		14.811.109.411	5.462.576.520	(10.045.101.535)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	10.045.101.535	8.378.460.000
Tăng dự phòng trong kỳ	84.711.176	-
Hoàn nhập	(1.515.877.600)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.613.935.111	8.378.460.000

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	456.600.000.000	401.600.000.000

Khoản đầu tư này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,5% đến 6,8% trong kỳ (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 5,0% đến 7,6% một năm).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

**Ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Đầu tư góp vốn vào:

Các công ty con	Địa chỉ	% sở hữu trực tiếp	% lợi ích kinh tế (i)	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Công ty Cổ phần Mseafood	Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,0%	90,0%	323.162.400.000	(***)	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	67,5%	67,5%	585.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,5%	97,5%	195.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	95,0%	95,0%	95.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú - Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,1%	99,1%	148.650.000.000	(***)	(148.650.000.000)
▪ Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	98,5%	98,5%	29.550.000.000	(***)	(16.869.553.925)
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú –Lộc An Việt Nam	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,0%	100,0%	150.000.000.000	(***)	(150.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,0%	100,0%	4.500.000.000	(***)	(715.852.027)
▪ Công ty TNHH MTV Chuối Cung ứng Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	2.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	50,0%	83,72%	100.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,0%	100,0%	935.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (*)	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	20.000.000	(***)	-
▪ Doanh nghiệp Xã hội Chuối Tôm Rừng Minh Phú (**)	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	25,0%	49,92%	560.000.000	(***)	-
				<b>1.634.377.400.000</b>		<b>(316.235.405.952)</b>

**Công ty liên kết**

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong

**Đơn vị khác**

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau

		49,0%	49,0%	3.900.000.000	(***)	-
	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam					
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(***)	(111.246.470)
				<b>1.645.277.400.000</b>		<b>(316.346.652.422)</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Ngày 1 tháng 1 năm 2016**

Đầu tư góp vốn vào:

**Các công ty con**

- Công ty Cổ phần Mseafood
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát
- Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú - Kiên Giang
- Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú
- Công ty TNHH MTV Chuối Cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Kho vận Ebisumo
- Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (\*)

**Công ty liên kết**

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong

**Đơn vị khác**

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau

	Địa chỉ	% sở hữu trực tiếp	% lợi ích kinh tế (i)	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
	Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,0%	90,0%	323.162.400.000	(***)	-
	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	67,5%	67,5%	585.000.000.000	(***)	-
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,5%	97,5%	195.000.000.000	(***)	-
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	95,0%	95,0%	95.000.000.000	(***)	-
	Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,1%	99,1%	148.650.000.000	(***)	(148.650.000.000)
	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	98,5%	98,5%	29.550.000.000	(***)	(16.869.553.925)
	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,0%	100,0%	150.000.000.000	(***)	(150.000.000.000)
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,0%	100,0%	4.500.000.000	(***)	(715.852.027)
	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	2.000.000.000	(***)	-
	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	50,0%	83,72%	100.000.000.000	(***)	-
	Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,0%	100,0%	935.000.000	(***)	-
	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	20.000.000	(***)	-
				<b>1.633.817.400.000</b>		<b>(316.235.405.952)</b>
	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(***)	-
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(***)	(111.246.470)
				<b>1.644.717.400.000</b>		<b>(316.346.652.422)</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ các lợi ích kinh tế thực tế của Công ty trong các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp.
- (\*) Ngày 8 tháng 8 năm 2017, căn cứ theo Biên bản họp số 81/HĐQT.MPC.17, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú từ 40,8 tỷ VND xuống 2 tỷ VND. Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào công ty con này.
- (\*\*) Ngày 12 tháng 1 năm 2017, Theo Biên bản số 01/HĐQT.MPC.17, Hội đồng Quản trị quyết định thành lập Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú tại tỉnh Cà Mau với vốn pháp định được duyệt là 18 tỷ VND. Công ty nắm giữ 25% vốn sở hữu của đơn vị này. Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú, một công ty con thuộc 100% vốn sở hữu của Công ty, nắm giữ 19,44% vốn sở hữu và Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú, một công ty con thuộc 98,5% vốn sở hữu của Công ty nắm giữ 5,56% vốn sở hữu. Các cổ đông còn lại là ông Lê Văn Quang (nắm 44,44% vốn sở hữu) và bà Lê Thị Dịu Minh (nắm 5,56% vốn sở hữu). Tại ngày báo cáo, Công ty và các cổ đông khác chưa góp đủ vốn vào công ty con này.

Ngày 8 tháng 8 năm 2017, căn cứ theo Biên bản họp số 81/HĐQT.MPC.17, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú từ 18 tỷ VND xuống 9,9 tỷ VND và thay đổi cơ cấu vốn góp. Theo đó, Công ty nắm giữ 25,25% lợi ích của đơn vị này, công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú nắm giữ 15,15% lợi ích và Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú nắm giữ 5,05% lợi ích. Các cổ đông còn lại không có quyền biểu quyết là ông Lê Văn Quang (39,4% lợi ích) và bà Lê Thị Dịu Minh (15,15% lợi ích). Tại ngày lập báo cáo, Công ty và những cổ đông khác chưa góp đủ vốn điều lệ cho công ty con này.

- (\*\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ là 445.527 triệu VND (1/1/2017: 482.895 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho trái phiếu dài hạn do Công ty phát hành (Thuyết minh 18(b)).

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	316.346.652.422	247.623.473.895
Tăng dự phòng trong kỳ	-	31.354.965.434
	316.346.652.422	278.978.439.329



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	585.861.659.279	217.087.487.412
Công ty Cổ phần Mseafood	544.301.920.296	646.092.794.685
Các khách hàng khác	430.466.047.533	289.539.026.854
	<b>1.560.629.627.108</b>	<b>1.152.719.308.951</b>

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	585.861.659.279	217.087.487.412
Công ty Cổ phần Mseafood	544.301.920.296	646.092.794.685
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	126.125.295.180	39.864.423.697
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú - Kiên Giang	58.595.622.188	58.595.622.188
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	41.838.143.279	-
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	22.968.315.317	22.968.315.317
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	7.450.497.307	17.347.821.966
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú	731.710.832	-
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	2.058.898.500	2.058.898.500

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 15 – 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm 1.560.630 triệu VND (1/1/2017: 1.152.719 VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu ngắn hạn khác (*)	57.249.299.909	57.856.799.909
Phải thu lãi tiền gửi	21.047.692.778	7.943.939.443
Tạm ứng	2.637.923.810	2.097.037.960
Cổ tức phải thu	-	29.000.000.000
Phải thu khác	15.818.356.725	4.527.729.502
	<hr/>	<hr/>
	96.753.273.222	101.425.506.814
	<hr/>	<hr/>

(\*) Khoản phải thu từ các công ty con phản ánh khoản cho công ty con vay để hỗ trợ vốn luân chuyển. Các khoản cho vay không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

Phải thu dài hạn khác phản ánh tạm ứng cho nông dân để hỗ trợ việc nuôi tôm, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Khoản tạm ứng này không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng 2 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	52.245.478.784	-	35.610.985.319	-
Công cụ và dụng cụ	1.218.640.909	-	1.256.226.668	-
Thành phẩm	1.350.186.689.978	(9.948.508.498)	873.481.979.300	(13.610.790.136)
	<u>1.403.650.809.671</u>	<u>(9.948.508.498)</u>	<u>910.349.191.287</u>	<u>(13.610.790.136)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	13.610.790.136	16.313.356.360
Hoàn nhập	(3.662.281.638)	(11.199.131.657)
Số dư cuối kỳ	<u>9.948.508.498</u>	<u>5.114.224.703</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.393.702 triệu VND (1/1/2017: 896.738 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).

Trong thành phẩm tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 32.162 triệu VND (1/1/2017: 139.737 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	117.741.227.718	212.402.727.988	44.619.373.413	13.003.186.771	387.766.515.890
Tăng trong kỳ	729.112.727	3.210.846.391	518.200.000	-	4.458.159.118
Thanh lý	-	-	(688.909.091)	-	(688.909.091)
Số dư cuối kỳ	118.470.340.445	215.613.574.379	44.448.664.322	13.003.186.771	391.535.765.917
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	50.898.430.293	113.159.472.489	22.516.456.488	6.894.435.488	193.468.794.758
Khấu hao trong kỳ	3.871.242.585	9.330.682.658	2.239.585.801	601.759.679	16.043.270.723
Thanh lý	-	-	(604.950.772)	-	(604.950.772)
Số dư cuối kỳ	54.769.672.878	122.490.155.147	24.151.091.517	7.496.195.167	208.907.114.709
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	66.842.797.425	99.243.255.499	22.102.916.925	6.108.751.283	194.297.721.132
Số dư cuối kỳ	63.700.667.567	93.123.419.232	20.297.572.805	5.506.991.604	182.628.651.208

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 60.406 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 57.180 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 85.986 triệu VND (1/1/2017: 92.956 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	22.181.099.585	19.572.187.118	41.753.286.703
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	4.526.065.940	3.263.588.434	7.789.654.374
Khấu hao trong kỳ	172.485.892	671.197.291	843.683.183
Số dư cuối kỳ	4.698.551.832	3.934.785.725	8.633.337.557
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	17.655.033.645	16.308.598.684	33.963.632.329
Số dư cuối kỳ	17.482.547.753	15.637.401.393	33.119.949.146

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.899 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 2.899 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 2.082 triệu VND (1/1/2017: 2.113 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.660.994.364	3.560.994.364
Tăng trong kỳ	19.700.000	600.000.000
Số dư cuối kỳ	6.680.694.364	4.160.994.364
Xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:		
	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quyền sử dụng đất	6.680.694.364	6.660.994.364

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	108.426.793	400.442.358

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Tools and instruments</b>
	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	10.970.107.056
Tăng trong kỳ	4.212.306.182
Phân bổ trong kỳ	(4.612.921.060)
Số dư cuối kỳ	10.569.492.178

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	88.383.538
<hr/>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(130.989.345)	(1.592.780.040)
Doanh thu chịu thuế trong tương lai	(1.242.760.153)	-
<hr/>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(1.373.749.498)	(1.504.396.502)
<hr/>		

**15. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>Giá gốc/Số có</b>	<b>Giá gốc/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh nghiệp tư nhân Minh Hy	5.197.133.886	16.088.232.201
Các nhà cung cấp khác	101.269.259.871	92.944.037.411
<hr/>		
	106.466.393.757	109.032.269.612
<hr/>		

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>Giá gốc/Số có</b>	<b>Giá gốc/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	8.735.066.245	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	5.807.611.480	-
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú - Kiên Giang	3.565.767.035	-
Công ty TNHH MTV Chuối Cung ứng Thủy sản Minh Phú	2.984.648.700	3.085.123.859
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	2.464.357.965	-
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú	913.131.529	-
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	6.023.600	-
	<hr/>	<hr/>
	24.476.606.554	3.085.123.859
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Số dư khoản phải trả người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 không bị quá hạn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế phải thu và phải nộp Ngân sách Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Cán trừ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	59.244.920.254	(18.503.593.039)	(40.741.327.215)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	18.061.372.129	-	(7.837.616.753)	10.223.755.376
Thuế thu nhập cá nhân	308.399.638	2.501.074.288	(2.656.199.374)	-	153.274.552
	308.399.638	79.807.366.671	(21.159.792.413)	(48.578.943.968)	10.377.029.928

**(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số thu được trong kỳ VND	Cán trừ VND	30/6/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.837.616.753	-	(7.837.616.753)	-
Thuế xuất nhập khẩu	292.022.919	127.953.033	-	419.975.952
Thuế khác	95.064.530	18.583.655	-	113.648.185
	8.224.704.202	146.536.688	(7.837.616.753)	533.624.137

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Các khoản phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	11.265.945.402	4.365.121.815
Lãi vay phải trả	4.658.830.937	8.968.010.330
Cố tức phải trả	2.619.368.300	2.619.368.300
Phải trả khác	1.927.366.534	2.429.502.941
	<hr/>	<hr/>
	20.471.511.173	18.382.003.386
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh khoản ký quỹ nhận từ Công ty Cổ phần Việt Nam Organics để mua hàng hóa. Khoản ký quỹ nhận được không chịu lãi và phải trả trong vòng 15 năm.

Phải trả khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 không bị quá hạn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay và trái phiếu**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2017		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.002.200.700.199	1.002.200.700.199	2.382.197.502	1.976.258.015.537
		3.945.131.271.700 (2.973.456.153.864)	1.976.258.015.537	1.976.258.015.537

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau Khoản vay 1	USD	2,0%	1.427.378.088.447	599.337.540.834
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau Khoản vay 2	USD	2,0%	548.879.927.090	320.099.032.139
Ngân Hàng Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau Khoản vay 3	USD	-	-	82.764.127.226
			<b>1.976.258.015.537</b>	<b>1.002.200.700.199</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 7)	1.560.629.627.108	1.152.719.308.951
Hàng tồn kho (Thuyết minh 9)	1.393.702.301.173	896.738.401.151
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	85.986.185.744	92.956.051.780
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	2.081.627.158	2.113.042.836
	3.042.399.741.183	2.144.526.804.718

**(b) Trái phiếu**

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất (năm)</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi Lô 1 (*)	VND	7.50%	2020	1.485.416.666.675	2.482.916.666.673

- (\*) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ VND được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2015, được đảm bảo bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con với giá trị ghi sổ là 445.527 triệu VND (1/1/2017: 482.895 triệu VND) (Thuyết minh 6(c)) và không chuyển đổi. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 20 tháng 5 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	38.803.410.326	73.721.625.985
Trích lập trong kỳ	5.442.355.905	-
Sử dụng trong kỳ	(79.975.771)	(34.633.863.703)
Số dư cuối kỳ	44.165.790.460	39.087.762.282

**20. Dự phòng dài hạn**

Dự phòng dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Dự phòng trợ cấp thôi việc</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	883.835.376	1.214.338.090
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(883.835.376)	(218.865.715)
Số dư cuối kỳ	-	995.472.375

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**I. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	52.223.331.236	724.268.725.236	1.574.206.834.847
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	41.158.993.234	41.158.993.234
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	(5.570.129.412)	-	(5.570.129.412)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2016</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	46.653.201.824	765.427.718.470	1.609.795.698.669
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	67.688.124.860	67.688.124.860
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	(36.863.480.298)	-	(36.863.480.298)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	9.789.721.526	833.115.843.330	1.640.620.343.231
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	127.819.053.696	127.819.053.696
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	27.211.779.524	(27.211.779.524)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.442.355.905)	(5.442.355.905)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(4.130.364.126)	-	(4.130.364.126)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	32.871.136.924	928.280.761.597	1.758.866.676.896

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(1.537.150)	(80.162.090.861)	(1.537.150)	(80.162.090.861)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	68.462.850	619.837.909.139	68.462.850	619.837.909.139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

## 23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng doanh nghiệp trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	27.514.427.782	42.906.481.920
Trong vòng hai đến năm năm	13.200.000.000	45.664.501.920
	40.714.427.782	88.570.983.840

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	173.502	3.945.440.254	79.088	1.799.320.622
JPY	185.974.582	38.124.789.310	90.627.318	17.762.954.328
		42.070.229.564		19.562.274.950

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	4.052.637.888.955	3.210.175.392.333
▪ Nguyên vật liệu đã bán	22.070.829.051	1.595.304.720
▪ Phế liệu đã bán	7.973.717.672	5.014.291.793
	<hr/>	<hr/>
	4.082.682.435.678	3.216.784.988.846
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(1.071.215.943)
▪ Hàng bán bị trả lại	(18.873.553.800)	(29.625.733.749)
	<hr/>	<hr/>
	(18.873.553.800)	(30.696.949.692)
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	4.063.808.881.878	3.186.088.039.154

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành phẩm đã bán	3.728.331.787.472	2.947.042.929.971
Nguyên vật liệu đã bán	21.918.274.884	1.544.013.726
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.662.281.638)	(11.199.131.657)
	<hr/>	<hr/>
	3.746.587.780.718	2.937.387.812.040

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	35.309.189.209	27.849.580.541
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	14.318.452.419	4.356.363.992
Cổ tức	8.438.527.395	28.589.304.941
	<hr/>	<hr/>
	58.066.169.023	60.795.249.474
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	58.779.091.522	79.702.715.959
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	43.902.162.090	22.665.570.591
Chi phí phát hành trái phiếu	2.500.000.002	2.500.000.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.067.658.521	1.012.026.677
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	31.354.965.434
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh	(1.431.166.424)	-
Chi phí tài chính khác	14.543.675	15.854.811
	<hr/>	<hr/>
	104.832.289.386	137.251.133.474
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí vận chuyển	39.557.825.212	50.846.229.144
Chi phí thuê kho	24.137.669.677	25.969.414.049
Chi phí nhân viên	7.523.154.027	5.942.449.999
Chi phí hoa hồng	6.660.711.369	9.188.409.343
Chi phí khác	16.987.353.672	11.056.819.296
	<hr/>	<hr/>
	94.866.713.957	103.003.321.831
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	15.886.607.438	11.180.677.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.795.193.089	6.360.614.725
Dụng cụ văn phòng	3.331.941.363	2.936.392.367
Chi phí khấu hao	2.619.230.945	2.734.340.432
Phí ngân hàng	1.024.602.187	662.316.187
Chi phí khác	2.173.133.634	3.659.464.565
	<b>30.830.708.656</b>	<b>27.533.805.869</b>

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.853.956.587.057	2.116.630.550.460
Chi phí nhân công và nhân viên	318.155.155.991	214.929.736.496
Chi phí khấu hao và phân bổ	16.886.953.906	16.733.759.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.522.376.047	135.819.202.067
Chi phí khác	17.107.535.285	15.959.477.285

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	18.061.372.129	2.188.460.388
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(130.647.004)	(509.410.975)
	<b>17.930.725.125</b>	<b>1.679.049.413</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	145.749.778.821	42.838.042.647
Thuế theo thuế suất của Công ty	14.574.977.882	4.283.804.265
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho thu nhập từ hoạt động thương mại	4.078.218.562	135.115.309
Chi phí không được khấu trừ thuế	121.381.421	119.060.333
Thu nhập không bị tính thuế	(843.852.740)	(2.858.930.494)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>17.930.725.125</b>	<b>1.679.049.413</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 10% lợi nhuận chịu thuế cho hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại (2016: 20%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên quan như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý</b>		
Bán thành phẩm	98.807.981.563	104.657.842.441
Thuê văn phòng	867.611.480	-
Phí thuê nhà máy	5.400.000.000	9.000.000.000
Cổ tức	-	26.063.698.023
<b>Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát</b>		
Mua dịch vụ	3.852.972.747	-
Bán thành phẩm	431.170.622.956	-
Phí thuê nhà máy	7.800.000.000	9.900.000.000
Cổ tức	-	2.462.660.918
<b>Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang</b>		
Mua nguyên vật liệu	2.190.533.186	3.999.339.754
Mua thành phẩm	358.901.491.595	205.415.901.462
Bán nguyên vật liệu	22.063.329.051	1.595.304.720
Bán thành phẩm	1.298.276.706.546	532.544.679.016
Thu nhập cho thuê	189.395.160	-
Phí thuê nhà kho	16.970.429	411.169.984
Cổ tức	8.266.918.995	-
<b>Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú - Kiên Giang</b>		
Mua nguyên vật liệu	23.252.757.589	-
<b>Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú</b>		
Chi phí hỗ trợ	607.500.000	-
<b>Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An</b>		
Mua nguyên vật liệu	19.595.953.184	-
<b>Công ty Cổ phần Mseafood</b>		
Bán thành phẩm	597.553.382.669	1.377.384.480.199
Hàng bán bị trả lại	11.189.908.093	4.119.337.142
<b>Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú</b>		
Mua dịch vụ	8.265.572.000	3.045.927.000
Thu nhập cho thuê	-	150.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Kho vận Ebisumo</b>		
Bán thành phẩm	77.673.112.511	-
Góp vốn	-	935.000.000
<b>Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú</b>		
Bán thành phẩm	728.898.914	-
Mua dịch vụ	3.247.561.144	-
Góp vốn	-	20.000.000
<b>Doanh nghiệp Xã hội Chuối Tôm Rừng Minh Phú</b>		
Mua dịch vụ	18.773.000	-
Góp vốn	560.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Mekong Logistics</b>		
Cho vay	-	10.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	711.666.667	-
Cung cấp dịch vụ	11.624.188.968	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng</b>		
Thuê văn phòng	1.183.259.782	1.190.378.837

**Các giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Tổng lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương thưởng và trợ cấp	2.747.494.380	3.485.234.929

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Hoạt động đầu tư phi tiền tệ**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên giá tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán	2.798.404.526	6.066.375.458

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Lê Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc